



Bài báo nghiên cứu

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT THƠ NGUYỄN ĐỨC SƠN

Phùng Gia Thế

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Phùng Gia Thế – Email: phunggiathe@hpu2.edu.vn

Ngày nhận bài: 12-01-2024; ngày nhận bài sửa: 20-01-2024; ngày duyệt đăng: 22-01-2024

TÓM TẮT

Bài viết này phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật thơ của Nguyễn Đức Sơn. Ông sáng tác đa dạng song có nhiều đóng góp nhất trong lĩnh vực thơ ca. Vũ trụ thơ Nguyễn Đức Sơn phong phú, đa dạng, độc đáo và hàm chứa cả những vấn đề dễ gây tranh luận. Có thể tìm thấy trong thế giới nghệ thuật thơ ông vẻ đẹp của một hồn thơ cổ điển, mộng mơ, trác việt, hòa hợp với thiên nhiên, đầy đó phảng phất phong vị thiền. Nhưng thơ Nguyễn Đức Sơn dường như nổi trội hơn bởi tính chất chơi giỡn, kì quái, những chen lấn thanh tục táo bạo, bất ngờ. Trên cơ sở phương pháp hệ thống và cái nhìn lịch sử, bài viết tập trung phân tích những nét độc đáo trong thế giới nghệ thuật thơ Nguyễn Đức Sơn nhằm góp phần khẳng định vị trí của ông trong đời sống thi ca Việt Nam hiện đại.

Từ khóa: Nguyễn Đức Sơn; thơ; thế giới nghệ thuật

1. Giới thiệu

Nguyễn Đức Sơn là nhà thơ nổi tiếng ở miền Nam trước 1975. Cùng với Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên, ông được xem là một trong bốn “tứ trụ thi ca” miền Nam trước 1975. Giai đoạn sáng tạo sung sức nhất, từ trước năm 1975, ông đã công bố gần mười tập thơ: *Bọt nước* (1965), *Hoa cô độc* (1965), *Lời ru* (1966), *Những bài tình đầu* (3 tập, 1965), *Vọng* (1972), *Đêm nguyệt động* (1967), *Mộng du trên đỉnh mùa xuân* (1972), *Du sĩ ca* (1973), *Tịnh khẩu* (1973). Sau 1975 cho đến khi mất, Nguyễn Đức Sơn chỉ có tập thơ *Chút lời mệnh mông* (2020), tập hợp các sáng tác chưa công bố của ông, phần lớn được viết trong giai đoạn trước 1975.

Thơ Nguyễn Đức Sơn được quan tâm từ sớm, song ít có bài nghiên cứu chuyên sâu. Điều này bắt nguồn từ hai nguyên nhân. Một là do quan điểm, cách nhìn, cách tiếp cận của nhà nghiên cứu đối với hiện tượng Nguyễn Đức Sơn. Hai là do bản thân thế giới thi ca của ông hàm chứa những yếu tố thanh – tục tế nhị, phức tạp. Các bài viết tiêu biểu có thể kể đến bao gồm: *Thơ Nguyễn Đức Sơn* của Võ Phiến (Vo, 1966); *Nguyễn Đức Sơn, nhà thơ* của Nguyễn Mạnh Trinh (Nguyen, 2012); *Nguyễn Đức Sơn – Sao Trên Rừng* của Phạm Ngọc

Cite this article as: Phùng Gia Thế (2024). The artistic world in Nguyen Duc Son's poems. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(1), 107-114.

Vinh (Pham, 2017); *Nguyễn Đức Sơn* tập hợp những nhận xét của các học giả, văn nghệ sĩ (Tuệ Sỹ, Nhã Ca, Đinh Cường, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Minh) về ông của Nguyễn Minh (Nguyễn Minh, 2014); *Những vần thơ Tĩnh khẩu của Nguyễn Đức Sơn* của Hà Thủy Nguyên (Ha, 2023); *Sơn Núi, chuyện đời quái dị và những câu thơ huyền thoại* của Nguyễn Hữu Hồng Minh (Nguyen, 2019); bài *Tựa* tập thơ *Chút lời mênh mông* của Thích Không Hạnh (Thich Khong Hanh, 2020). Ngoài ra là loạt bài giới thiệu sơ lược cuộc đời và sáng tác của Nguyễn Đức Sơn sau khi ông qua đời năm 2020.

Bài viết này trên cơ sở phân tích những điểm độc đáo trong thế giới nghệ thuật thơ Nguyễn Đức Sơn nhằm khẳng định vị trí đặc biệt của ông trong bản đồ thơ ca Việt Nam hiện đại.

2. Nội dung nghiên cứu

Nguyễn Đức Sơn nổi tiếng bởi thơ, nhưng trên hết, ông nổi tiếng bởi chính cuộc đời “kì dị” của chính mình. Sinh thời, ngay từ khi còn rất trẻ, Nguyễn Đức Sơn đã dự định quyết liệt với thời đại mình, với thế giới hiện đại, bởi theo ông đó là căn nguyên làm phai nhạt nhân tâm. Trong *Tĩnh khẩu* (Thay lời bạt – trích thư gửi cha từ Blao), ông viết: “Và con biết đâu đây chỉ trong một ngày thôi, hàng vạn tấn bom cũng đang được cái pháo đài bay B52 thả nhiên đổ xuống. Trong tiếng gầm rú của Cơ Khí và Kĩ Thuật vắng mặt hoàn toàn bất cứ chút gì thuộc về Nhân Tính” (Nguyen, 1973, p.7). Ở một đoạn khác, ông viết: “Mà thanh minh, bày tỏ cái gì nữa trong một thế giới đã vắng bóng Hiền Nhân, không, bóng Con Người, mà chỉ còn có Cơ Khí.” (Nguyen, 1973, p.10). Ông tự nhận mình là kẻ sống bằng “lửa tịch mịch” và “hoi lạnh thiên thu”: Sáng mênh mông/ Ta đi thơ thả trong vườn hồng/ Ô bông, ô mông, ô không. (*Thoát*) (Nguyen, 1973, p.51). Trong *Đạo chơi Sài Gòn*, Nguyễn Đức Sơn cảm thán: Ôi lạnh lẽo hồn ta chiều chủ nhật/ Ngập nắng mù đại lộ bóng thanh niên/ Khi nhìn xuống mặt đất này quá chật/ Ta một mình buồn thăm đến vô biên... (Nguyen, 1972, p.61).

Nguyễn Đức Sơn là con người kì dị, một kẻ “abnormal” (không bình thường) theo đúng nghĩa của từ này. Cuộc sống gia đình ông là một sự xếp chồng các giai thoại khác nhau, vừa cơ cực xót xa vừa tiêu sái. Là kẻ phản kháng, phủ định và phá quỹ toàn diện trong một đời mắt luôn nhấp nhánh cợt cười, Nguyễn Đức Sơn thể hiện bản mệnh nghiệp chướng thi nhân của mình qua mảng từ vựng đặc trưng: “hoang mang”, “đổ vỡ”, “điều linh”, “đọa đày”, “du đãng”, “lãng vãng”, “nghềnh ngãng” và đương nhiên, không thể thiếu ít nhiều “đắm đuối”: Không biết từ đâu ta đến đây/ Mang mang trời thăm đất xanh dầy/ Lớn lên mang nghiệp làm thi sĩ/ Sống điều linh rồi chết đọa đày. (*Hoài niệm*); Khi ý thức mặt đất này dang dở/ Ta vội chìm trong bóng nguyệt mang mang/ Khi chấp nhận một ngàn lần đổ vỡ/ Ta một hồn đắm đuối giữa hoang mang. (*Thi sĩ*) (Nguyen, 1972, p.5).

Có một hiểu lầm khá phổ biến về Nguyễn Đức Sơn là ở chỗ: Thơ ông là thứ thơ phá phách, dâm tục, kiêu ngạo. Điều này bắt nguồn từ mấy nguyên nhân. Thứ nhất, là do bạn đọc không tiếp cận đầy đủ sáng tác của Nguyễn Đức Sơn (riêng về thơ ông có gần 10 tập). Thứ hai, là khi trích dẫn, người ta thường chọn những câu có từ tục hoặc yếu tố tục của ông.

Thứ ba, là những sai khác trong quan niệm về thơ và ám ảnh về câu chuyện thanh, tục trong thơ. Và thứ tư, là do cách đọc và tâm thế đọc khác nhau của cộng đồng diễn giải. Thực ra, vũ trụ thơ Nguyễn Đức Sơn vô cùng đa dạng. Các sáng tác của ông (đặc biệt trong *Những bài tình đầu*, *Vọng*) bao trùm tâm cảm và ngôn ngữ của một hồn thơ rất gần cổ điển. Trong bài *Mai tôi về* (*Những bài tình đầu*, tập một), ông tuyên ngôn: Mai tôi về nằm giữa rong rêu/ Tôi trải thân tôi xuống giữa chiều/ Sưởi nắng tà huy lên mái tóc/ Khi trời vang lạnh tiếng chim kêu. (Nguyen, 1965, part 1, p.36).

Bước vào thế giới thơ Nguyễn Đức Sơn, ta bắt gặp một hồn thơ đồng điệu “một chiếc linh hồn nhỏ/mang mang thiên cổ sầu” với Huy Cận, và biết bao hư hao, ái tình, lãng mạn: Sầu xưa quá sao bỗng về chiêm ngự/ Những mối sầu đầu từ buổi sơ sinh/ Cửa trời xa hay tận dưới kho tình/ Không biết nữa trong cõi người rét mướt. (*Ngàn sao*) (Nguyen, 1972, p.8); Một ngày đau khổ chín trong tôi/ Tôi đến bên cây lẳng lẳng ngời/ Cây thả trái sầu trên nước lẳng/ Mặt hồ tan vỡ ánh sao trôi. (*Tôi thấy mây rùng*) (*Những bài tình đầu*, tập một) (Nguyen, 1965, part 1, p.35); *Hồn đã tìm đàn ai còn thể thiết/ Đàn chơi voi đàn lặng và đàn trầm/ Cả đời hoang chìm lạnh dòng sông câm/ Ngày thu rụng trắng giắc vàng chưa mọc.* (*Đàn trầm*) (Nguyen, 1972, p.15).

Ông có nhiều câu thơ tự nhiên, mộng mơ, trác tuyệt: Mây bay trên đồi vắng/ Mây buồn chi lang thang/ Mây bay khi chiều vắng/ Tôi nằm chờ mây tan. (*Mây đi*) (Nguyen, 1965, part 2, p.12); Một đêm sao ở trên rừng/ Đua nhau rụng xuống chào mừng nhân gian/ Hồn tôi cây cối liên hoan/ Rung rung tôi thấy trăm ngàn ước mơ/ Tuổi vàng suối mộng trời thơ/ Lớn lên tôi chết trên bờ hư không. (*Trên bờ hư không*) (Nguyen, 1965, part 1, p.18).

Bên cạnh những câu thơ miêu tả cảnh đời cơ cực “có trưa hộc máu có chiều trào cơm”, Nguyễn Đức Sơn có nhiều câu thơ, bài thơ chạm đáy tâm tư về mẹ, dì, về quê hương và viết cho con chạm sâu thương nhớ: À ơi tiếng võng chiều quê/ Buồn nghe tóc trắng ru về ban sơ. (*Có hương*); Tháng bảy dì về đơm nhãn/ Nhớ mang ra ít gia chiêm/ Ruộng xưa cò bay thẳng cánh/ Gặt hái vừa độ trắng liềm. (*Quê hương*) (Nguyen, 1965, part 2, p.24); Con nằm bú thật bình an/ Đêm nao cha uống trắng tàn cũng no. (*Gió thổi bay*) (Nguyen, 2020, p.47)...

Nguyễn Đức Sơn cũng viết nhiều bài xúc động đề tặng “N.T.Ph”, “tặng Phượng”, vợ ông (*Nấu cơm trong rừng, Đưa Phượng lên xe đò từ Blao về Bình Dương...*). Trong lời mở tập thơ *Đêm nguyệt động*, ông viết:

“tặng Nguyễn Thị Phượng

Kỉ niệm năm thứ mười bảy của em trên trái đất muôn đời còn hoang vu này
trang trọng tạ lỗi với em đã ghé qua đời tôi hay còn nép lại bên đường chờ kẻ đấng tử
này đi qua, đầu đón chờ nhau ở kiếp khác vậy.” (Nguyen, 1967, p.5).

Nguyễn Đức Sơn thù địch với cơ giới chừng nào dường như lại hòa hợp với thiên nhiên chừng đó. Hồn thơ ông trước sau luôn phiêu thoáng thiên nhiên, đặc biệt là rừng và biển: Mai tôi về nằm giữa hoang liêu/ Tôi trải cô đơn xuống giữa chiều/ Lấy gió thiên thu làm khăn làm áo/ Lấy mây bay làm gối làm lều. (*Mai tôi về*) (Nguyen, 1965, part 1, p.36).

Nguyễn Đức Sơn cho biết: “Con đường của một thi sĩ thường có khuynh hướng nhập với xa lộ của các đạo sư.” (Tran, 2007). Trong thi giới Nguyễn Đức Sơn, các cảm niệm triết học, tư tưởng, hoài nghi siêu hình học... dường như đều được ông dự cảm, nói tới, ngộ ra trong khoảnh khắc, theo một cách riêng. Trong *Vô đề*, ông viết: Nói/ Ói (Nguyen, 2020, p.99). Và khi chủ thể trữ tình đóng vai một nhà sư thì đơn giản chỉ là: Ta có một nùm tro/ Sau khi nằm co. (*Lời của một đại sư trên giàn hỏa*) (Nguyen, 2020, p.110).

Nhưng nếu chỉ như thế, hoặc những gì tương tự thế thì vẫn chưa phải là một Nguyễn Đức Sơn độc và quái. Ông sẽ bị lẫn đi và có thể bị lãng quên, như bao người.

Đây mới là cách thể độc đáo Nguyễn Đức Sơn xác định bản vị mình trong cõi nhân gian: Kiếp trước ta là du đãng/ Kiếp này ta đi lãng vãng/ Bên cầu sinh tử lổ tai nghẽn ngãng. (*Không đề*) (Nguyen, 1967, p.42); Giữa trưa nằm nghĩ quanh/ Thấy đời sao muốn chửi/ Ngẫm một kiếp qua nhanh/ Buồn buồn móc đất gửi. (*Vui đời ẩn sĩ*) (Nguyen, 1973, p.61). Và đây là một Nguyễn Đức Sơn kiêu bạt: Tao viết văn làm thơ/ Cho tụi bây quăng viết/ Mặc dù tao không đời nào thêm giết/ Những cái thứ cà rơ. (*Thật ra*) (Nguyen, 1973, p.20).

Sau cả chục lần nói về “tịch mịch” (Tôi đang rơi xuống kêu cái bịch/ Trên rong rêu tịch mịch; Chỉ nghe tịch mịch phủ đê rêu xanh; Tôi chỉ có lừa/ Và tịch mịch/ Trong người...) (Nguyen, 1973, p.23), ông thốt nhiên khuynh loát thánh thần: *Ta/ Để ra/ Tịch mịch.* (*Chân ngôn*) (Nguyen, 1973, p.44).

Đọc thơ Nguyễn Đức Sơn, có thể nhận ra, thơ ông tục song không thuần tục. Điều thú vị là ở chỗ ông luôn đặt cái thanh, mộng liền kề cái tục, cái phi phạm bên cái trần trụi, “đầu vào” nói “đầu ra”, “thanh tân” cạnh “đái dầm”, “hoa hồng” bên “bãi cứt”. Trong cái nhìn phổ biến, thơ vẫn được xem là hình thái tinh thần gắn với cái lớn lao, trác tuyệt, hoặc ít ra cũng là cái gì thanh cao, tao nhã. Nguyễn Đức Sơn thì khác. Ông mở cửa thơ để ngôn ngữ thông tục của dân gian (tiểu lâm, tục ngữ, nói lái...), của vỉa hè, đường phố ùa vào. Có lẽ thơ Nguyễn Đức Sơn tục nhiều hơn dâm, thậm chí không dâm (chút tình mới lớn khó có thể gọi là dâm). Ông ứng xử bình đẳng với mọi thể loại lời nói và công nhiên đưa chúng vào thơ, trong bất cứ ngữ cảnh nào. Tục trong thơ Nguyễn Đức Sơn chủ yếu là các danh từ liên quan đến bộ phận kín của nam và nữ, các động từ chỉ hoạt động tiêu hóa bài tiết, hầu như không có từ chỉ hoạt động tính giao. Đương nhiên, Nguyễn Đức Sơn không phải người đầu tiên nói đến những thứ thường được xem là cấm kỵ/kị với thơ. Trong thi ảnh kì độc, mị mù của Nguyễn Đức Sơn, không có gì là cấm kỵ. Do thế, cái tục, từ tục được ông đưa vào thơ hết sức tự nhiên. Hãy thử xem, giữa đủ các loại ao ước lớn lao hay lãng mạn của thi nhân, đây là cách chơi giỡn của ông: Tôi định một ngày nào thật thành thơ/ Leo lên trời/ Ỉa. (*Tôi định một ngày nào*) (Nguyen, 1973, p.33).

Thơ Nguyễn Đức Sơn, ngoài tục còn quái. Từ tư tưởng, cách thể “dòm” đời nghe nhồn nhột trong những bài thơ viết “trước khi trở thành đàn ông” (*Tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi*) (Nguyen, 1965, part 1, p.7), thế tất dẫn đến cái sự “dòm” thật kinh hoàng, có một không hai: dòm gái đái. Cũng xin nói ngay, thơ về “sự bài tiết” thì Nguyễn Đức Sơn có lẽ là

đầu bảng. Chưa thấy ai diễn tả cái hiện sinh cảm xúc này cực thực như ông. Với Nguyễn Đức Sơn, đây không phải câu chuyện bài tiết thông thường, mà là sự phá quây vô chiều kích, không giới hạn trong thơ.

Như đã nói, thơ Nguyễn Đức Sơn chạm vào cái *cần khôn tịch tịch*, cái sẽ là tử vận của nhiều người. Khác biệt với tất cả, ông luôn xen cài bất ngờ đến nghẹt thở cái tầm bậy, tào lao trong thơ bên cái mộng mơ bỏ dờ. Cái tục trong thơ ông, do thế, luôn gắn với quây và tếu, không thuần là tục.

Trong lời tựa tập *Chút lời mênh mông*, Thích Không Hạnh viết: “Người ta đa phần có ý ngần ngại khi đọc thơ Nguyễn Đức Sơn vì thấy sự đậm tục nhiều quá, riêng tôi cũng thấy ngần ngại, nhưng không phải vì sự đậm tục trong thơ ông, mà ngần ngại mình không đủ thanh khiết để đọc.” (Thích Không Hạnh, 2020, p.5).

Để đồng ý với ý thứ hai của nhà sư, song ý thứ nhất thì vị tất đã như vậy. Bởi, đọc Nguyễn Đức Sơn, có thể nhận ra, thơ ông không hẳn đậm tục nhiều, mà luôn xen cài chen lẫn cái thanh cái tục một cách tự nhiên, và như đã nói, thơ ông nghiêng về tục hơn là đậm. Trong “Thay lời bạt” tập *Tịnh khẩu*, ông viết: “Đố ai không bảo tôi tục tĩu, đậm tục, bởi vì quả thật tôi có tục tĩu, đậm dục! Đố mới là chỗ chết, là cửa tử cho bao nhiêu bài thơ tức thờ kia vì trót đụng tới Cần Khôn Tịch Mịch.” (Nguyen, 1973, p.64). Có lúc ông cũng hoài nghi tồn tại, suy tư siêu hình, cũng luận về trời đất, để rồi, ông ngộ ra chân lí, thật giản đơn: Thượng đế đã mất ngôi/ Chuyện khỏi cần phải nói/ Cũng đừng ai thăm hỏi/ Sau xưa có luân hồi. (*Để hiểu*) (Nguyen, 1965, part 2, p.20).

Trong bài *Cùng tình nhân ghé thăm một thiền viện nổi tiếng nhất nước*, ông viết: Về đi thôi kiếm chỗ nằm/ Mỡ chuông đang nện trăng rằm ngất ngư/ Thiền sư ăn thịt thiền sư/ Niết bàn nhiều giống chân như nhiều nòi/ Tâm teo tóp trí cọc còi/ Ma ưa thuyết pháp quỷ đòi giảng kinh/ Kìa em tịnh thủy một bình/ Cửa không ai viếng cửa mình tôi thăm. (Nguyen, 2020, p.138).

Tự nhìn mình, thấy đời thật thú vị, nhà thi sĩ thốt lên: Chà chà/ Sao cái cuộc đời ba xạo của ta/ Có nhiều cái quá lạ. (*Người sung sướng*) (Nguyen, 1973, p.49).

Đọc Nguyễn Đức Sơn, thấy một khoái thú vô tận đến từ hàng trăm hàng nghìn những cái ngộ kì quái, đột khởi, kiểu “tưởng gì”, “hóa ra” cực bất ngờ và riêng có của ông: *Người ta dẫu cái đạo/ Trong hũ gạo/ Trời ơi. (Đâu ngờ)* (Nguyen, 1973, p.32). Nhiều khi, chuyện tưởng lớn, hóa ra cũng giản đơn và xưa như trái đất thôi, thật không ngờ: *Cùi/ Để chẻ/ Gái/ Để xẻ. (Tục ngữ)*. Nhiều câu hỏi, chỉ trời biết, mà trời ở đâu, thi nhân không biết, nên ông đành thốt nhiên ngộ nghĩnh: *Chỉ to bằng cái tộ/ Sao các em đều úp vừa nắm mộ/ Đời tôi. (Quá lạ lùng)* (Nguyen, 1973, p.33).

Với Nguyễn Đức Sơn, đời là tào lao, ba xạo. Đôi khi, ông tự họa mình, rồi nhấn nhủ anh em xa gần, rằng ông đang rất ổn: *Giờ đây tôi thờ khá đều/ Tri ân trời đất một chiều lang thang/ Rất vui tìm phổi nhịp nhàng/ Như sương tan giữa bụi vàng xa xăm. (Một mình khoái trí nằm thờ nữa)* (Nguyen, 1965, part 3) (p.51). Có khi, dường như cảm nhận mình đang ở

rất xa, ông ngoảnh lại, nhưng không phải thanh minh, mà để khẳng định thể cách thơ mình: Suốt đời tác thi như giỡn/ Nhiều người vốn không ba lơ/ Nhè đọc kĩ hơn/ Mới thấy rằng ta giỡn thiệt. (*Trước sau như một*) (Nguyen, 1973, p.41).

Phân tích thơ Nguyễn Đức Sơn, tưởng cũng không nên suy luận quá xa xôi. Nhiều khi, ông như một đạo sư, ung dung, phiêu ngạo, nhiều khi lại như một thi sĩ du côn, bụi đời. Nói ông phá phách có cái đúng, có cái chưa. Bởi, ông có bị gông cùm bởi cái gì bao giờ đâu mà phá phách. Ngôn ngữ thơ ông, chỗ mộng, chỗ tục, song không bao giờ gượng gạo mà luôn được bật ra tự nhiên, tự tại, đáng yêu.

Đây là bài về bá lạp *Du sĩ ca*, thể hai chữ, vừa bí bách, vừa phóng túng: Một hồn/ Trống bộng/ Tịch ngôn/ Rờ rờ/ Đút đút/ Tím nút/ Càn khôn... (*Du sĩ ca*) (Nguyen, 1973, p.23)

Và đây là lời tự thán vừa cảm khái kiêu bạt vừa sáng khoái: Tôi nói ngược nói ngao/ Nói xạo nói ke/ Chỉ riêng trời đất xanh lè/ Cảm thán. (*Thôi cũng được*) (Nguyen, 1973, p.29).

Nguyễn Đức Sơn đúng là nhà thơ kì độc trong thi giới của mình. Thơ ông thiên mà quây, quây lại như thiên, vừa nặng như đá, vừa nhẹ bằng càn khôn: Thở phào rồi lại thở phèo/ Thở lui thở tới trong veo cái đầu!/ *Đầu tiên tôi thở cái phào/ Bao nhiêu phiền não như trào ra theo/ Nín hơi tôi thở cái phèo/ Bao nhiêu mộng ảo bay vào hư không.* (*Một mình nằm thở đủ kiểu trên bờ biển*) (Nguyen, 1965, part 3, p.50).

Nguyễn Đức Sơn viết thơ ở nhiều thể cách: tự do, hai chữ, ba chữ, năm chữ, sáu chữ, tám chữ, lục bát, so le, ba câu, bốn câu, trường thiên... nhìn chung vô cùng phóng khoáng. Có cảm giác, chữ được gọi về ra sao thì ông dùng vậy, không cần gò đẽo. Cách hiệp vần của ông tự nhiên, không sắp đặt. Vần thông được dùng nhiều hơn. Thơ lục bát Nguyễn Đức Sơn rất uyển chuyển, mềm mại. Ngoài những lúc tếu táo, chơi giỡn, thơ ông thấm đẫm thể giới quan buồn tủi hư vô trên hành trình kiếm tìm nhân tính: Khi thắm mệt tôi đi luôn ra núi/ Cuối chiều tà chỉ gặp cỏ hoang sơ/ Bước lui thúi tôi đi luôn vô núi/ Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khò/ Chân rục rã tôi đi luôn ra núi/ Hồn rụng rời trước mặt bãi hư vô. (*Một mình đi luôn vô luôn ra trong núi chơi*) (Nguyen, 1972, p.18). Chủ thể trữ tình sớm nhận ra, tủi buồn chua xót cuối cùng cũng chẳng để làm gì, vậy nên đành chơi giỡn tiếp: Đời sau người có thương ta/ Từ lâu xuống lỗ làm ma mất rồi/ Đường xa thôi miễn bồi hồi/ Mả hoang nhảy đại lên ngồi đi cha. (*Nhấn*) (Nguyen, 1973, p.15).

Có điều chắc chắn là, từ khi trai trẻ: Có những đêm tôi ở trường dưới nguyệt/ Tắm huy hoàng trong ánh sáng lung linh/ Ôi thân thể những đêm vàng bất tuyệt/ Tôi hiểu rồi ý nghĩa của vô minh (*Vô đề*). Cho đến lúc về già, Nguyễn Đức Sơn vẫn kì - quái - quây như thế: Gặp em thuở tóc đang bay/ Chòi hoang nằm mộng hai tay tuột quần. (*Ừ, vậy đó*) (Nguyen, 2020, p.85).

Đó là lí do để khẳng định, thể giới nghệ thuật thơ Nguyễn Đức Sơn là một vũ trụ thơ riêng khác, độc đáo, cõi càn khôn tịch mịch của ông, cũng là của thi ca Việt.

3. Kết luận

Có thể nói, trong không gian văn học miền Nam trước 1975 nói riêng, không gian văn học Việt Nam nửa sau thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI nói chung, Nguyễn Đức Sơn được xem là trường hợp đặc biệt. Nguyễn Đức Sơn kì quái – quý dị – tài hoa một cách tự nhiên. Thơ ông xuyên không giữa cái thanh và cái tục, cái phi phạm, mộng ảo và cái tầm thường, là cuộc chơi giỡn bất tuyệt với ngôn từ, với càn khôn. Nghiên cứu thơ Nguyễn Đức Sơn cần nhiều hơn nữa các bài viết, công trình và những không gian mở thoáng. Nguyễn Đức Sơn rời cõi thế ngày 11/6/2020 nhưng có lẽ cuộc đời và thơ ông sẽ mãi vọng động trong tâm trí chúng ta. Ông xứng đáng là một trong những hình bóng lớn, mịt mù và kì độc bậc nhất của thơ ca Việt Nam nửa sau thế kỉ XX. Đúng như trong bài *Động thái*, ông tuyên bố thân phận mình, cũng là dòng thơ được khắc trên bia mộ của ông: Ta đến đây/ Khác với mây/ Là ở lại. (Nguyen, 2020, p.103).

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TƯ LIỆU KHẢO SÁT

- Nguyen, D. S. (1965). *Nhung bai tinh dau* (tap 1) [*First love poems*, part 1]. Mat Dat Publishing House.
- Nguyen, D. S. (1965). *Nhung bai tinh dau* (tap 2) [*First love poems*, part 2]. Mat Dat Publishing House.
- Nguyen, D. S. (1965). *Nhung bai tinh dau* (tap 3) [*First love poems*, part 3]. Mat Dat Publishing House.
- Nguyen, D. S. (1967). *Dem nguyet dong* [*Moonlit night*]. An Tiem Publishing House.
- Nguyen, D. S. (1972). *Vong* [*Echoes*]. An Tiem Publishing House.
- Nguyen, D. S. (1973). *Du si ca* [*The vagabond poem*]. An Tiem Publishing House.
- Nguyen, D. S. (1973). *Tinh khau* [*Honest poems*]. An Tiem Publishing House.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ha, T. N. (2023). *Nhung van tho “tinh khau” cua Nguyen Duc Son* [*Honest poems by Nguyen Duc Son*]. Ha Thuy Nguyen. <https://hathuynguyen.com/nhung-van-tho-tinh-khau-cua-nguyen-duc-son/>
- Nguyen Minh (2014). Nguyen Duc Son. *Quan Van Literary Magazine*, (24).
- Nguyen, D. S. (2020). *Chut loi menh mong* [*Endless little words*]. Da Nang Publishing House.
- Nguyen, M. T. (2012). *Nguyen Duc Son, nha tho* [*Nguyen Duc Son, the poet*]. Sang Tao. <https://web.archive.org/web/20130611041303/http://sangtao.org/2012/06/21/nguyen-duc-son-nha-tho/>

- Nguyen, N. H. M. (2019). *Son Nui, chuyen doi quai di va nhung cau tho huyen thoai* [“Son Nui” *Son’s bizarre life and legendary poems*]. Charming Vietnam. <https://duyendangvietnam.net.vn/son-nui-chuyen-doi-quai-di-va-nhung-cau-tho-huyen-thoai.html>
- Pham, N. V. (2017). *Nguyen Duc Son - Sao Tren Rung* [*Nguyen Duc Son, a star in the forest*]. Pham Ngoc Vinh. <https://phamngocvinh.com/nguyen-duc-son-sao-tren-rung>
- Thich Khong Hanh (2020). *Loi tua tap tho “Chut loi menh mong”* [*Preface to the poetry collection “Endless little words”*]. Da Nang Publishing House.
- Tran, H. D. (2007). *Phong van thi si Nguyen Duc Son* [*An interview with poet Nguyen Duc Son*]. Da Mau. <https://damau.org/14812/phong-van-thi-si-nguyen-duc-son>
- Vo, P. (1966). *Tho Nguyen Duc Son* [Poems by Nguyen Duc Son]. *Encyclopedic Journal*, (238).
-

THE ARTISTIC WORLD IN NGUYEN DUC SON’S POEMS

Phung Gia The

Hanoi Pedagogical University 2, Vietnam

Corresponding author: Phung Gia The – Email: phunggiathe@hpu2.edu.vn

Received: January 12, 2024; Revised: January 20, 2024; Accepted: January 22, 2024

ABSTRACT

This article analyzes the unique features of the artistic world in Nguyen Duc Son’s poems. Among all genres of literature, Nguyen Duc Son excelled in poetry. Nguyen Duc Son’s poetic universe is rich, diverse, extremely unique and contains controversial issues. In Nguyen Duc Son’s artistic world of poetry, there is the beauty of a classic, dreamy and transcendent poetic soul in harmony with nature with some traces of Zen style. However, Nguyen Duc Son’s poetry seems to stand out because of its playful and bizarre nature, and the bold, unexpected placements of chaste and vulgar elements. Using a systematic method and taking a historical perspective, the article focuses on analyzing the unique features in the artistic world of Nguyen Duc Son’s poetry to affirm the position of Nguyen Duc Son in modern Vietnamese poetic process.

Keywords: Nguyen Duc Son; poem; the world of art